



Số: 15.197/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 07 tháng 05 năm 2015 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0425-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1505-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	1,721,805,919,235	1,197,746,239,097
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	79,132,691,329	55,033,596,309
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu	286,764,129,515	264,803,204,419
4	Hàng tồn kho	1,203,086,110,198	825,442,469,352
5	Tài sản ngắn hạn khác	152,822,988,193	52,466,969,017
II	Tài sản dài hạn	1,303,202,188,645	456,137,409,780
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	1,280,433,344,805	445,066,123,371
	- TSCĐ hữu hình	125,470,674,356	157,019,539,235
	- TSCĐ thuê tài chính	22,877,868,308	7,085,205,849
	- TSCĐ vô hình	127,948,948,368	130,229,098,336
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,004,135,853,773	150,732,279,951
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	22,768,843,840	11,071,286,409
III	Tổng tài sản	3,025,008,107,880	1,653,883,648,877
IV	Nợ phải trả	2,576,382,322,599	1,230,481,341,685
1	Nợ ngắn hạn	1,832,968,793,753	1,039,724,735,252
2	Nợ dài hạn	743,413,528,846	190,756,606,433
V	Vốn chủ sở hữu	448,625,785,281	423,402,307,192
1	Vốn chủ sở hữu	448,625,785,281	423,402,307,192
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	229,753,410,000	229,753,410,000
	Thặng dư vốn cổ phần	28,342,842,000	28,342,842,000
	Vốn khác của chủ sở hữu	23,936,816,242	1,049,985,000
	Cổ phiếu quỹ	-	(337,200,000)
	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	Các quỹ	3,430,602,730	11,435,342,433
	Lợi nhuận chưa phân phối	163,162,114,309	153,157,927,759
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
VI	Tổng nguồn vốn	3,025,008,107,880	1,653,883,648,877

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
1	Tổng doanh thu	3,979,581,321,891	3,081,587,742,477
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(16,016,030,743)	(11,390,599,143)
3	Doanh thu thuần	3,963,565,291,148	3,070,197,143,334
4	Giá vốn hàng bán	(3,798,750,435,053)	(2,931,101,719,422)
5	Lợi nhuận gộp	164,814,856,095	139,095,423,912
6	Doanh thu hoạt động tài chính	9,388,123,827	9,566,274,249
7	Chi phí tài chính	(46,038,760,017)	(39,650,916,481)
8	Chi phí bán hàng	(57,094,888,820)	(45,048,837,058)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(56,096,026,580)	(39,875,598,684)
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14,973,304,505	24,086,345,938
11	Thu nhập khác	39,642,659,740	20,354,969,405
12	Chi phí khác	(21,963,842,742)	(2,168,939,605)
13	Lợi nhuận khác	17,678,816,998	18,186,029,800
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32,652,121,503	42,272,375,738
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(11,045,770,634)	(12,270,108,862)
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	226,773,568	444,750,454
17	Lợi nhuận sau thuế	21,833,124,437	30,447,017,330
18	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	927	1,326

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	56.92%	71.27%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	43.08%	28.73%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	85.17%	65.65%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	14.83%	34.35%
Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành	0.86	1.24
Khả năng thanh toán nhanh	0.04	0.04
Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	0.55%	1.88%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.72%	5.37%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4.87%	15.65%